

Số: 36 /2025/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 ngày 3 ngày 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính Quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 16/TTr-SKHCN ngày 14 tháng 3 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 292/BC-STP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Sở Tư pháp; ý kiến thống nhất của Đảng ủy UBND tỉnh tại Văn bản số 246-CV/ĐU ngày 04 tháng 4 năm 2025; ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng,

phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh Quảng Ninh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể, đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *leelan*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1-4; VX1, TH1;
- Lưu VT, VX6.

QĐ 25.09

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy
Cao Tường Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về việc xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh và toàn quốc làm căn cứ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Quy định này áp dụng đối với các cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có hoạt động sáng kiến, đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo các văn bản khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sáng kiến* là giải pháp có tính mới về kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực đã được áp dụng tại cơ sở, có khả năng nhân rộng và được cấp có thẩm quyền công nhận.

2. *Đề tài khoa học và công nghệ (sau đây viết là Đề tài)* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. *Đề án khoa học (sau đây viết là Đề án)* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

4. Công trình khoa học và công nghệ (sau đây viết là Công trình) là sản phẩm của lao động sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, bao gồm:

a) Công trình nghiên cứu khoa học là kết quả của hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn;

b) Công trình nghiên cứu phát triển công nghệ là công trình tạo ra công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới, vật liệu mới, giống mới, sản phẩm mới;

c) Công trình ứng dụng công nghệ là công trình ứng dụng thành công công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới.

5. Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến cấp tỉnh là sáng kiến được công nhận ở cơ sở, đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi toàn ngành, toàn tỉnh.

6. Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh là đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu xếp loại đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi toàn ngành, toàn tỉnh.

7. Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến trong toàn quốc là sáng kiến đã được công nhận ở cơ sở, đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi toàn quốc.

8. Hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong toàn quốc là đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu xếp loại đạt trở lên và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc.

9. Các cơ quan, đơn vị, địa phương bao gồm: các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ; Đảng uỷ Khối các cơ quan tỉnh và các đơn vị thuộc Tỉnh uỷ; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội cấp tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các doanh nghiệp thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các địa phương thuộc tỉnh.

10. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở: là Hội đồng do người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thành lập giúp công nhận sáng kiến; đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở; căn cứ hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài, đề án, công trình ở cấp nào thì tham mưu trình cấp đó xem xét, công nhận theo quy định”.

Điều 3. Nguyên tắc xét, công nhận

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài, đề án, công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh và toàn quốc.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm công nhận sáng kiến ở cấp cơ sở; đánh giá kết quả thực hiện, công nhận kết quả nghiệm thu, đề tài, đề án, công trình cấp cơ sở. Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài, đề án, công trình khoa học và công nghệ ở cấp nào thì trình cấp đó phê duyệt.

3. Sáng kiến, đề tài, đề án, công trình đề nghị xét, công nhận ở cấp nào thì phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện ở cấp đó theo quy định tại Điều 4, Điều 5 quy định này.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT, CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN; HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỀ ÁN KHOA HỌC, CÔNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Tiêu chuẩn xét, công nhận

Sáng kiến, đề tài, đề án, công trình được công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có tính mới trong phạm vi của cấp đề nghị xét, công nhận:
 - a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký nộp trước;
 - b) Chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được;
 - c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;
 - d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

2. Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử.

3. Tính hiệu quả, mang lợi ích thiết thực khi áp dụng:

- Hiệu quả kinh tế: nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật...
- Hiệu quả về lợi ích xã hội: nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người...

4. Có khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng tại cấp đề nghị xét, công nhận.

Điều 5. Điều kiện được công nhận

1. Sáng kiến, đề tài, đề án, công trình đáp ứng Điều 4, Quy định này.
2. Sáng kiến được công nhận ở cơ sở; đề tài, đề án, công trình nghiệm thu xếp loại đạt trở lên, được cơ sở công nhận.
3. Sáng kiến, đề tài, đề án, công trình được công nhận phải có ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý (hợp lệ) của các thành viên Hội đồng Sáng kiến tỉnh.
4. Các trường hợp sau đây không được công nhận:

- a) Giải pháp của sáng kiến, đề tài, đề án, công trình mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;
- b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.
- c) Sáng kiến, đề tài, đề án, công trình đang tranh chấp giữa các tác giả.
- d) Sáng kiến, đề tài, đề án, công trình được xác định là sao chép của tác giả khác.

Chương III

TỔ CHỨC XÉT, CÔNG NHẬN HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN; HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỀ ÁN KHOA HỌC, CÔNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Xét, công nhận sáng kiến; công nhận kết quả nghiệm thu đề tài, đề án, công trình cấp cơ sở

1. Tác giả/đồng tác giả có sáng kiến, chủ nhiệm và người trực tiếp tham gia thực hiện đề tài, đề án, công trình lập hồ sơ đề nghị nộp cho cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý để được xét duyệt, công nhận sáng kiến, công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu (xếp loại đạt trở lên) của đề tài, đề án, công trình cấp cơ sở.

2. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thành lập Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở giúp công nhận sáng kiến; đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở; căn cứ hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài, đề án, công trình ở cấp nào thì tham mưu trình cấp đó xem xét, công nhận theo quy định.

3. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định của pháp luật về sáng kiến. Đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện đề tài, đề án, công trình khoa học và công nghệ được thực hiện theo Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 7. Thời gian nhận hồ sơ, xét duyệt hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài, đề án, công trình cấp tỉnh và toàn quốc

1. Thời gian nhận hồ sơ, xét duyệt như sau:

a) Đối với ngành Giáo dục - Đào tạo: thời gian tiếp nhận hồ sơ đến hết ngày 15/6; xét duyệt vào tháng 7 hàng năm.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị và lĩnh vực công tác khác: thời gian tiếp nhận hồ sơ đến hết ngày 15/11; xét duyệt vào tháng 12 hàng năm.

2. Thời gian nhận hồ sơ, xét duyệt được thực hiện vào các thời điểm khác khi cần công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài, đề án, công trình làm căn cứ đề nghị khen thưởng theo các loại hình khen thưởng khác được quy định tại Luật thi đua khen thưởng và các văn bản liên quan theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị công nhận cấp tỉnh và toàn quốc

1. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài, đề án, công trình cấp tỉnh và toàn quốc thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ và các quy định khác có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị Hội đồng sáng kiến tỉnh xem xét, công nhận được gửi về cơ quan Thường trực của Hội đồng (Sở Khoa học và Công nghệ) gồm: bản giấy (bản chính) và các tệp tin điện tử (file word và file pdf) qua dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (trừ văn bản có nội dung bí mật Nhà nước). Hồ sơ chỉ được tiếp nhận khi Sở Khoa học và Công nghệ nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

3. Hồ sơ được đóng thành quyển; số lượng hồ sơ: 01 quyển (bản chính).

Điều 9. Hội đồng sáng kiến tỉnh Quảng Ninh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến tỉnh và quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến tỉnh.

2. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan Thường trực Hội đồng) có trách nhiệm công bố công khai kết quả đánh giá của Hội đồng lên cổng thông tin điện tử thành phần của sở (trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả và quy định của pháp luật) để các tổ chức, cá nhân có liên quan và nhân dân thuận tiện theo dõi và phản hồi.

Điều 10. Quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài, đề án, công trình cấp tỉnh hoặc toàn quốc

Sau khi kết thúc 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố công khai, nếu Sáng kiến, đề tài, đề án, công trình không có ý kiến phản đối của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá của Hội đồng, Cơ quan Thường trực Hội đồng căn cứ kết quả họp xét duyệt của Hội đồng hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt, ban hành quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh hoặc toàn quốc.

Trường hợp có ý kiến phản đối của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá của Hội đồng, Cơ quan Thường trực Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 11 của quy định này trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 11. Giải quyết đơn phúc khảo, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Đối với đơn phúc khảo:

a) Thời gian nhận đơn phúc khảo về kết quả đánh giá của Hội đồng, chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố công khai kết quả đánh giá của Hội đồng.

b) Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh nhận xét, đánh giá theo đơn phúc khảo, gửi thành viên Hội đồng lấy ý kiến hoặc triệu tập cuộc họp đánh giá lại kết quả và trả lời trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn phúc khảo.

2. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo:

a) Các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan sáng kiến, đề tài, đề án, công trình được giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

b) Đối với các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước và hành vi của cán bộ, công chức vi phạm quy định quản lý nhà nước về hoạt động của Hội đồng sáng kiến tỉnh, việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 12. Huỷ bỏ kết quả công nhận

1. Kể từ ngày quyết định công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của đề tài, đề án, công trình có hiệu lực, người đứng đầu tổ chức ra quyết định công nhận có quyền huỷ bỏ quyết định công nhận trong các trường hợp sau:

a) Tác giả có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong báo cáo và các hồ sơ đề nghị đánh giá.

b) Có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các đối tượng khác; bị khiếu nại tố cáo bởi các tổ chức, cá nhân hoặc bị huỷ kết quả công nhận từ cơ sở.

2. Tổ chức, cá nhân có quyết định bị huỷ bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành có liên quan.

3. Cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến tỉnh có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến thành viên Hội đồng và ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần) để tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định huỷ bỏ kết quả công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh, toàn quốc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện quy định này.

2. Xây dựng hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong phạm vi quản lý triển khai thực hiện công tác công nhận sáng kiến, công nhận kết quả nghiệm thu của đề tài, đề án, công trình khoa học và công nghệ đảm bảo đúng quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

- Phổ biến, hướng dẫn chi tiết thực hiện quy định về công tác xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học và công nghệ, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

- Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương việc thực hiện quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.